

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/KDTM-ST

Ngày: 30-9-2022

V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hoá

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Kim Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Đạt Phương.

Bà Nguyễn Bạch Nhạn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Quốc Thắng là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên Tòa: Bà Đồ Ngọc Tuyên - Kiểm Sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2022/TLST-KDTM ngày 18 tháng 7 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá (vật liệu xây dựng) theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 196/2022/QĐXXST-KDTM ngày 26 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 146/2022/QĐST-KDTM ngày 12 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn Vật liệu xây dựng K.

Địa chỉ trụ sở chính: Ấp Đ, xã 1, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị K – chức danh: Chủ tịch Công ty; (Có mặt)

- Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn Đầu tư xây dựng T; địa chỉ trụ sở chính: Đường N, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Khru Hữu H – Chức danh: Giám đốc; (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện lập ngày 30 tháng 6 năm 2022 của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn Vật liệu xây dựng K, cũng như trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn bà Nguyễn Thị K trình bày:

Do Công ty trách nhiệm hữu hạn Đầu tư xây dựng T (sau đây viết tắt là Công ty T) nhận thầu Công trình xây dựng trường học ở ấp N, xã 1, huyện C, tỉnh Sóc Trăng và Công ty trách nhiệm hữu hạn Vật liệu xây dựng K (sau đây viết tắt là Công ty K) do bà K làm chủ ở gần đó nên ông Khuru Hữu H – Giám đốc công ty liên hệ để mua vật liệu xây dựng và hai bên thống nhất ký hợp đồng kinh tế ngày 04/3/2022. Sau khi ký hợp đồng thì Công ty K tiến hành giao vật tư cho Công ty T nhiều lần (từ ngày 04/3/2022 đến ngày 09/5/2022). Khi Công ty T có yêu cầu giao vật tư xây dựng như cát, đá, xi măng, gạch ống, kẽm, sắt,... thì phía công ty sẽ gọi điện yêu cầu Công ty K giao hàng, khi Công ty K giao hàng đến Công trình sẽ có nhân viên của Công ty T (người theo giám sát công trình) kiểm tra hàng và ký tên nhận hàng.

Theo thoả thuận, ông Khuru Hữu H sẽ trực tiếp gọi điện cho bà K báo đã nhận vật tư vào công trình và đến Công ty K để chốt số lượng, đơn giá và thành tiền và ký tên xác nhận vào hoá đơn (có khi cách 01 ngày, 02 ngày hoặc vài ngày sẽ chốt hoá đơn số tiền một lần).

Công ty K đã cung cấp vật tư cho Công ty T tại công trình với tổng số tiền là 532.447.000 đồng. Công ty T đã thanh toán tiền mua vật tư cho Công ty K với tổng số tiền 315.000.000 đồng, bằng hình thức chuyển khoản nhiều lần vào tài khoản cá nhân của bà K.

Khi viết hoá đơn, bà K sẽ ghi số lượng hàng hoá từng đợt và cộng dồn số tiền mà Công ty T chưa thanh toán của kỳ trước thành tổng số tiền còn nợ để ông Khuru Hữu H ký xác nhận. Sau khi thống nhất số tiền nợ, ông Khuru Hữu H sẽ thanh toán tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản cá nhân của bà K. Tổng cộng, bà K và ông Khuru Hữu H đã ký xác nhận 16 hoá đơn, lần sau cùng ông Hậu ký xác nhận Hoá đơn là ngày 02/5/2022, với tổng số tiền còn nợ là 207.292.000 đồng.

Từ ngày 04/5/2022 đến ngày 09/5/2022, Công ty K có giao vật tư cho Công ty T với số tiền 10.155.000 đồng. Trong ngày 09/5/2022, bà K có lập hoá đơn thể hiện số tiền nợ của kỳ trước (hoá đơn ngày 02/5/2022) là 207.292.000 đồng cộng với số tiền vật tư của kỳ này là 10.155.000 đồng thành số tiền 217.447.000 đồng nhưng ông Khuru Hữu H không có đến Công ty của bà K để ký tên xác nhận và bà K đã ngừng không cung cấp vật tư xây dựng cho Công ty T từ ngày 10/5/2022 cho đến nay.

Sau đó, bà K đã nhiều lần liên hệ yêu cầu ông Khuru Hữu H đến để xác nhận công nợ và thanh toán tiền hàng nhưng ông Hậu cứ hứa hẹn cho đến nay.

Nay Công ty trách nhiệm hữu hạn Vật liệu xây dựng K yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn Đầu tư xây dựng T thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Vật liệu xây dựng K số tiền vật tư còn nợ là 217.447.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

- Đối với bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn Đầu tư xây dựng T, sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã cấp, tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Các giấy triệu tập; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng Công ty trách nhiệm hữu hạn Đầu tư xây dựng T không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án, cũng không giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

- *Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị K thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Công ty trách nhiệm hữu hạn Vật liệu xây dựng K chỉ yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn Đầu tư xây dựng T thanh toán số tiền mua vật tư từ ngày 04/3/2022 đến ngày 02/5/2022 còn nợ là 207.292.000 đồng. Đối với số tiền mua vật tư phát sinh từ ngày 04/5/2022 đến ngày 09/5/2022, với số tiền 10.155.000 đồng, bà K không yêu cầu Tòa án giải quyết.*

- *Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:*

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn, thực hiện đúng theo quy định tại các điều 68; 70; 71, 86 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn không thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn Vật liệu xây dựng K khởi kiện yêu cầu bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn Đầu tư xây dựng T; địa chỉ trụ sở chính: đường N, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng thanh toán số tiền mua vật tư còn nợ là 207.292.000 đồng theo hợp đồng kinh tế ngày 04/3/2022. Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án kinh doanh thương mại về “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

[2]. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn Đầu tư xây dựng T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3]. Cũng tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị K thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền mua vật tư từ ngày 04/3/2022 đến ngày 02/5/2022 còn nợ là 207.292.000 đồng. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ Luật Tố Tụng dân sự, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về nội dung vụ án:

[4]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền 207.292.000 đồng, thấy rằng:

Nguyên đơn Công ty K cho rằng, Công ty T và Công ty K đã ký kết hợp đồng kinh tế ngày 04/3/2022, để mua bán vật liệu xây dựng. Sau khi ký hợp đồng thì Công ty K đã tiến hành giao vật tư cho Công ty T nhiều lần (từ ngày 04/3/2022 đến ngày 02/5/2022), với tổng số tiền là 522.292.000 đồng và Công ty T đã thanh toán tiền vật tư cho Công ty K với tổng số tiền 315.000.000 đồng, bằng hình thức chuyển khoản nhiều lần vào tài khoản cá nhân của bà Nguyễn Thị K- người đại diện theo pháp luật của Công ty K. Tính đến ngày 02/5/2022, ông Khuru Hữu H đại diện cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Đầu tư xây dựng T đã ký xác nhận còn nợ Công ty K số tiền là 207.292.000 đồng.

[5]. Nguyên đơn đã cung cấp cho Toà án: Bản chính, Hợp đồng Kinh tế ngày 04/3/2022 giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn Vật liệu xây dựng K và Công ty trách nhiệm hữu hạn Đầu tư xây dựng T, có chữ ký tên, đóng dấu tên Khuru Hữu H và đóng dấu xác nhận của Công ty trách nhiệm hữu hạn Đầu tư xây dựng T; 16 (mười sáu) Bản chính, Hoá đơn của Cửa hàng Vật liệu xây dựng K (được đánh số hoá đơn từ 01 đến 16); Khách hàng: Anh H; địa chỉ: CT Nguyễn Tăng; trong đó, hóa đơn số 16 ngày 02/5/2022 thể hiện ông Khuru Hữu H còn nợ Cửa hàng Vật liệu xây dựng K, với tổng số tiền là 207.292.000 đồng; Người viết hoá

đơn Nguyễn Thị K; Người mua hàng có chữ ký tên bằng mực màu xanh (không ghi họ và tên nhưng theo bà Nguyễn Thị K thì chữ ký này là của ông Khuru Hữu H); bản sao, Sổ phụ tên khách hàng Nguyễn Thị K của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh thành phố Sóc Trăng (từ 21/3/2022 đến ngày 29/4/2022), thể hiện nội dung “*Công ty T chuyển tiền vật tư Công trình*”, “*anh Hậu chuyển tiền vật tư*” với tổng số tiền là 315.000.000 đồng; Tòa án đã thông báo cho bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn Đầu tư xây dựng T biết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ trên nhưng bị đơn không có ý kiến phản đối. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*” nên đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

[6] Về tính hợp pháp của Hợp đồng kinh tế ngày 04/3/2022: Công ty trách nhiệm hữu hạn Vật liệu xây dựng K giao kết hợp đồng với Công ty trách nhiệm hữu hạn Đầu tư xây dựng T thông qua người đại diện của công ty, hợp đồng được giao kết bằng văn bản, dựa trên sự tự nguyện của các bên nên đã tuân thủ đúng quy định tại Điều 11 và Điều 24 Luật Thương mại năm 2005 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2019). Mục đích và nội dung của giao dịch không trái với các quy định của pháp luật nên có hiệu lực và buộc các bên thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với nhau theo hợp đồng.

[7] Công ty K đã thực hiện việc giao hàng hóa là vật liệu xây dựng (gồm xi măng, cát, gạch, đá, sắt,...) cho Công ty T từ ngày 04/3/2022 đến ngày 02/5/2022 theo 16 (mười sáu), Hoá đơn đúng theo thỏa thuận với tổng số tiền 522.292.000 đồng. Công ty T đã nhận hàng nhưng chỉ mới thanh toán cho Công ty K với tổng số tiền 315.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 207.292.000 đồng đến nay vẫn chưa thanh toán. Theo quy định tại khoản 1 Điều 50 Luật Thương mại thì “*Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng và nhận hàng theo thỏa thuận*”; Điều 55 Luật Thương mại thì “*Trừ trường hợp có thỏa thuận khác,... Bên mua phải thanh toán cho bên bán vào thời điểm bên bán giao hàng hoặc giao chứng từ liên quan đến hàng hóa*” và theo Điều 3 Hợp đồng kinh tế mà hai bên đã ký kết thì “*Bên A (Công ty trách nhiệm hữu hạn Đầu tư xây dựng T) sẽ ký đối chiếu và thanh toán cho bên B (Công ty trách nhiệm hữu hạn Vật liệu xây dựng K) sau 14 ngày kể từ ngày giao hàng*”. Như vậy, Công ty T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền cho Công ty K, nên Công ty K yêu cầu Công ty T thanh toán số tiền mua vật liệu xây dựng còn nợ là 207.292.000 đồng là có cơ sở, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8]. Về lãi suất: Do nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9]. Như đã phân tích trên, đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10]. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty trách nhiệm hữu hạn Vật liệu xây dựng K không phải chịu án phí. Công ty trách nhiệm hữu hạn Đầu tư xây dựng T phải chịu án phí số tiền 10.364.600 đồng.

[11] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30, điểm b Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 244, Điều 271, Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 117; Điều 401 và Điều 440, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 11; Điều 24; Điều 50 và Điều 55 Luật Thương mại năm 2005 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2019);

- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn Vật liệu xây dựng K:

- Buộc bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn Đầu tư xây dựng T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn Vật liệu xây dựng K số tiền mua vật tư còn nợ là 207.292.000 đồng.

- Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty trách nhiệm hữu hạn Đầu tư xây dựng T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm số tiền 10.364.600 đồng.

Công ty trách nhiệm hữu hạn Vật liệu xây dựng K được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.400.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000262 ngày 14 tháng 7 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND TP Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP Sóc Trăng;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Thị Kim Hằng